



TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG 3 NĂM 2025

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Tổng số nhiệm vụ	Kết quả thực hiện nhiệm vụ									Điểm tháng	Mức xếp loại
				Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
I	Lãnh đạo Sở													
1	Vũ Văn Kiên	GD Sở	1692	1252 nhiệm vụ trước hạn (74%); 440 nhiệm vụ đúng hạn (26%)										
2	Cù Trọng Khang	PGĐ Sở	153	121 nhiệm vụ trước hạn (79.08%); 32 nhiệm vụ đúng hạn (20.92%)									91 ¹	A
3	Nguyễn Thị Tươi	PGĐ Sở	303	280 nhiệm vụ trước hạn (92.4%); 23 nhiệm vụ đúng hạn (7.6%)									92 ²	A
4	Nguyễn Thị Thiều Hương	PGĐ Sở	820	495 nhiệm vụ trước hạn (60.36%); 328 nhiệm vụ đúng hạn 39.64%)									90,5 ³	A
5	Nguyễn Khắc Sang	PGĐ Sở	416	356 nhiệm vụ trước hạn (85.58%); 60 nhiệm vụ đúng hạn (14.42%)									91,5 ⁴	A
II	Phòng Xây dựng chính quyền		57	10	7	3	0	0	47	40	7	0		B
				47 nhiệm vụ trước hạn (82.46%); 10 nhiệm vụ đúng hạn (17.54%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Trần Hưng	TP	3	0	0	0	0	0	3	2	1	0	90,5 ⁵	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

¹ Được thưởng 1 điểm (trước hạn 79.08%)

² Được thưởng 2 điểm (trước hạn 92.4%)

³ Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 60.36%)

⁴ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 85.58%)

⁵ Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 66.67%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
2	Vũ Thị Duyên	PTP	10	1	1	0	0	0	9	9	0	0	92,5 ⁶	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Đinh Bá Lan Ly	PTP	2	1	0	1	0	0	1	1	0	0	90	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (50%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Thị Thu Trang	CV	12	3	3	0	0	0	9	7	2	0	91,5 ⁷	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (83.33%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (16.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Vương Thị Ngọc	CV	10	2	2	0	0	0	8	6	2	0	91,5 ⁸	A
				8 nhiệm vụ trước hạn (80%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (20%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁶ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

⁷ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 83.33%)

⁸ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 80%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
6	Trương Văn Hoà	CV	3	0	0	0	0	0	3	1	2	0	86	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (33.33%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (66.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Vũ Thị Thanh Hương	CV	8	2	1	1	0	0	6	6	0	0	91,5 ⁹	A
				7 nhiệm vụ trước hạn (87.5%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (12.5%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Lê Thị Hải Anh	CV	9	1	0	1	0	0	8	8	0	0	89,5	B
				8 nhiệm vụ trước hạn (88.89%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (11.11%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
III	Phòng Tổ chức, biên chế		90	10	9	1	0	0	80	76	4	0		A
				85 nhiệm vụ trước hạn (94.44%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (5.56%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Bùi Xuân Hiếu	TP	3	1	1	0	0	0	2	2	0	0	92,5 ¹⁰	A
				3 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁹ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 87.5%)

¹⁰ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
2	Đào Thị Thu Trang	PTP	20	1	1	0	0	0	19	17	2	0	92 ¹¹	A
				18 nhiệm vụ trước hạn (90%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (10%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Nguyễn Anh Tuấn	PTP	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Thị Anh	CV	21	2	2	0	0	0	19	18	1	0	92 ¹²	A
				20 nhiệm vụ trước hạn (95.24%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (4.76%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Nguyễn Thị Luyến	CV	17	2	2	0	0	0	15	15	0	0	92,5 ¹³	A
				17 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Mai Quỳnh Nga	CV	13	2	2	0	0	0	11	10	1	0	92 ¹⁴	A
				12 nhiệm vụ trước hạn (92.31%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (7.69%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

¹¹ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 90%)

¹² Được thưởng 2 điểm (trước hạn 95,24%)

¹³ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

¹⁴ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 92.31%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
7	Hoàng Thị Bích Ngọc	CV	14	1	1	0	0	0	13	13	0	0	92,5	A
				14 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Đỗ Thị Phương	CV	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	92,5 ¹⁵	A
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
IV	Phòng Công chức, viên chức		70	7	6	1	0	0	63	59	4	0		A
				65 nhiệm vụ trước hạn (92.86%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (7.14%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Phạm Thị Ngoan	PTP	5	0	0	0	0	0	5	5	0	0	92,5 ¹⁶	A
				5 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Phạm Văn Tùng	PTP	8	0	0	0	0	0	8	6	2	0	91 ¹⁷	A
				6 nhiệm vụ trước hạn (75%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (25%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

¹⁵ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

¹⁶ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

¹⁷ Được thưởng 1 điểm (trước hạn 75%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
3	Nguyễn Thị Nga	CV	6	1	1	0	0	0	5	5	0	0	92,5 ¹⁸	A
				6 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Thị Hải Yến	CV	17	2	2	0	0	0	15	15	0	0	92,5 ¹⁹	A
				17 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Trần Thị Kim Tuyến	CV	8	1	1	0	0	0	7	7	0	0	92,5 ²⁰	A
				8 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Nguyễn Thị Dương	CV	12	1	1	0	0	0	11	9	2	0	91,5 ²¹	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (83.33%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (16.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

¹⁸ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)¹⁹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)²⁰ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)²¹ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 83.33%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại	
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh						
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành			
7	Phạm Thị Hà Mi	CV	14	2	1	1	0	0	12	12	0	0	92 ²²	A	
				13 nhiệm vụ trước hạn (92.86%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (7.14%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
V	Phòng CCHC-VTLT		44	7	7	0	0	0	37	33	4	0		A	
				40 nhiệm vụ trước hạn (90.91%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (9.09%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
1	Hoàng Xuân Chính	TP	2	1	1	0	0	0	1	1	0	0	90	B	
				2 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
2	Trần Anh Dũng	PTP	8	1	1	0	0	0	7	6	1	0	91,5 ²³	A	
				7 nhiệm vụ trước hạn (87.5%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (12.5%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
3	Đoàn Minh Sang	CV	6	1	1	0	0	0	5	4	1	0	91,5 ²⁴	A	
				5 nhiệm vụ trước hạn (83.33%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (16.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											

²² Được thưởng 2 điểm (trước hạn 92.86%)

²³ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 87.5%)

²⁴ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 83.33%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại	
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh						
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành			
4	Trần Thị Hồng Anh	CV	9	2	2	0	0	0	7	5	2	0	91 ²⁵	A	
				7 nhiệm vụ trước hạn (77.78%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (22.22%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
5	Trần Thị Lan Phương	CV	19	2	2	0	0	0	17	17	0	0	92,5 ²⁶	A	
				19 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
VI	Thanh tra Sở		137	10	8	2	0	0	127	120	7	0		A	
				128 nhiệm vụ trước hạn (93.43%); 9 nhiệm vụ đúng hạn (6.57%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
1	Lương Thị Phương Chi	CTT	18	3	3	0	0	0	15	15	0	0	92,5 ²⁷	A	
				18 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
2	Hoàng Minh Hiền	PCTT	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B	
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											

²⁵ Được thưởng 1 điểm (trước hạn 77.78%)

²⁶ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

²⁷ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
3	Tạ Thị Hồng Thắm	PCTT	9	1	1	0	0	0	8	7	1	0	91,5 ²⁸	A
				8 nhiệm vụ trước hạn (88.89%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (11.11%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Đức Hạnh	TTV	10	1	0	1	0	0	9	9	0	0	92 ²⁹	A
				9 nhiệm vụ trước hạn (90%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (10%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Phạm Ngọc Quang	TTV	11	1	1	0	0	0	10	9	1	0	92 ³⁰	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (90.91%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (9.09%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Phan Thu Trang	TTV	29	3	2	1	0	0	26	25	1	0	92 ³¹	A
				27 nhiệm vụ trước hạn (93.1%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (6.9%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

²⁸ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 88.89%)

²⁹ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 90%)

³⁰ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 90.91%)

³¹ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 93.1%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
7	Bùi Trung Kiên	TTV	30	1	1	0	0	0	29	29	0	0	92,5 ³²	A
				30 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Hoàng Thị Thùy Dung	CV	29	0	0	0	0	0	29	25	4	0	91,5 ³³	A
				25 nhiệm vụ trước hạn (86.21%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (13.79%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
VII	Phòng Dân tộc và Tôn giáo		74	3	3	0	0	0	71	62	9	0		A
				65 nhiệm vụ trước hạn (87.84%); 9 nhiệm vụ đúng hạn (12.16%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Trần Thị Lý	TP	20	1	1	0	0	0	19	18	1	0	92 ³⁴	A
				19 nhiệm vụ trước hạn (95%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (5%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Mai Thị Hồng Huệ	PTP	10	1	1	0	0	0	9	9	0	0	92,5 ³⁵	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

³² Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)³³ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 86.21%)³⁴ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 95%)³⁵ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
3	Vũ Thị Tân	CV	9	1	1	0	0	0	8	7	1	0	91,5 ³⁶	A
				8 nhiệm vụ trước hạn (88.89%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (11.11%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Văn Bằng	CV	9	0	0	0	0	0	9	8	1	0	91,5 ³⁷	A
				8 nhiệm vụ trước hạn (88.89%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (11.11%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Đinh Ngọc Thuần	CV	8	0	0	0	0	0	8	5	3	0	90,5 ³⁸	A
				5 nhiệm vụ trước hạn (62.5%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (37.5%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Phạm Thu Huyền	CV	18	0	0	0	0	0	18	15	3	0	91,5 ³⁹	A
				15 nhiệm vụ trước hạn (83.33%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (16.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

³⁶ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 88.89%)

³⁷ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 88.89%)

³⁸ Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 62.5%)

³⁹ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 83.33%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
VIII	Phòng Người có công		268	5	4	1	0	0	263	254	9	0		A
				258 nhiệm vụ trước hạn (96.27%); 10 nhiệm vụ đúng hạn (3.73%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Nguyễn Tiến Anh	TP	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	92,5 ⁴⁰	A
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Vũ Công Điệp	PTP	99	2	2	0	0	0	97	88	9	0	92 ⁴¹	A
				90 nhiệm vụ trước hạn (90.91%); 9 nhiệm vụ đúng hạn (9.09%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Lưu Thị Thuý	CV	84	1	1	0	0	0	83	83	0	0	92,5 ⁴²	A
				84 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁴⁰ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁴¹ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 90.91%)⁴² Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
4	Bùi Thanh Liêm	CV	34	1	1	0	0	0	33	33	0	0	92,5 ⁴³	A
				34 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Lê Thị Yến	CV	10	0	0	0	0	0	10	10	0	0	92,5 ⁴⁴	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Lê Xuân Hùng	CV	39	1	0	1	0	0	38	38	0	0	92 ⁴⁵	A
				38 nhiệm vụ trước hạn (97.44%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (2.56%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Đinh Thị Phương Liêm	CV	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	92,5 ⁴⁶	A
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁴³ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁴⁴ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁴⁵ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 97.44%)⁴⁶ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
IX	Phòng Lao động - Việc làm		330	5	5	0	0	0	325	325	0	0		A
				330 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Bùi Thị Hạnh	TP	3	0	0	0	0	0	3	3	0	0	92,5 ⁴⁷	A
				3 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Vũ Thị Thu Hằng	PTP	66	3	3	0	0	0	63	63	3	0	92,5 ⁴⁸	A
				66 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Nguyễn Thị Duyên	CV	197	1	1	0	0	0	196	196	0	0	92,5 ⁴⁹	A
				197 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁴⁷ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁴⁸ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁴⁹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
4	An Thị Mai Hoa	CV	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	92,5 ⁵⁰	A
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Phan Thị Diễm	CV	63	1	1	0	0	0	62	62	0	0	92,5 ⁵¹	A
				63 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
X	Văn phòng		64	13	12	1	0	0	51	38	13	0		A
				49 nhiệm vụ trước hạn (76.56%); 15 nhiệm vụ đúng hạn (23.44%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Vũ Quốc Khánh	CVP	5	1	1	0	0	0	4	4	0	0	92,5 ⁵²	A
				5 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁵⁰ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁵¹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁵² Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
2	Nguyễn Bá Hoàng	PCVP	26	2	1	1	0	0	24	21	3	0	91,5 ⁵³	A
				22 nhiệm vụ trước hạn (84.62%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (15.38%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Chu Bình Mích	CV	16	3	3	0	0	0	13	10	3	0	91,5 ⁵⁴	A
				13 nhiệm vụ trước hạn (81.25%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (18.75%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Mai Hồng Quân	CV	8	5	4	1	0	0	3	1	2	0	91,5 ⁵⁵	A
				5 nhiệm vụ trước hạn (62.5%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (37.5%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Dương Thị Nguyệt	CV	3	1	1	0	0	0	2	0	2	0	86	A
				1 nhiệm vụ trước hạn (33.33%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (66.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Nguyễn Thị Nhung	CV	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	92,5 ⁵⁶	A
				2 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁵³ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 84.62%)⁵⁴ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 81.25%)⁵⁵ Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 62.5%)⁵⁶ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
7	Phạm Thị Huyền	CV	2	0	0	0	0	0	2	2	0	0	92,5 ⁵⁷	A
				2 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Vũ Thị Sang	CS	3	0	0	0	0	0	3	3	0	0	92,5 ⁵⁸	A
				3 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
9	Lê Xuân Tình	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
10	Quách Hồng Thuận	NV	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
11	Hoàng Thị Thanh Mai	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁵⁷ Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 62.5%)

⁵⁸ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
12	Lê Thị Thu Hà	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
XI	Ban Thi đua - Khen thưởng		111	13	12	1	0	0	98	93	5	0		A
				105 nhiệm vụ trước hạn (94.59%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (5.41%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Nguyễn Đình Tuệ	TB	5	0	0	0	0	0	5	5	0	0	92,5 ⁵⁹	A
				5 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Đỗ Thị Yên	PTB	6	2	2	0	0	0	4	4	0	0	92,5 ⁶⁰	A
				6 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Quách Thị Lan Phương	PTB	5	1	1	0	0	0	4	4	0	0	92,5 ⁶¹	A
				5 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁵⁹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁶⁰ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁶¹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
4	Nguyễn Thị Hồng Dung	CV	5	0	0	0	0	0	5	2	3	0	88	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (40%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (60%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Vũ Xuân Hanh	CV	36	0	0	0	0	0	36	36	0	0	92,5 ⁶²	A
				36 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Phạm Thị Huyền	CV	14	4	4	0	0	0	10	10	0	0	92,5 ⁶³	A
				14 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Phạm Minh Châu	CV	7	3	3	0	0	0	4	4	0	0	92,5 ⁶⁴	A
				7 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Đoàn Thu Trang	CV	12	2	2	0	0	0	10	10	0	0	92,5 ⁶⁵	A
				12 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁶² Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁶³ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁶⁴ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁶⁵ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
9	Vũ Thị Hợi	CV	9	0	0	0	0	0	9	9	0	0	92,5 ⁶⁶	A
				9 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
10	Nguyễn Thị Hương	CV	10	1	0	1	0	0	9	9	0	0	92 ⁶⁷	A
				9 nhiệm vụ trước hạn (90%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (10%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
11	Đỗ Ngọc Phú	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
XII	Trung tâm Lưu trữ lịch sử		39	7	4	3	0	0	32	12	20	0		B
				16 nhiệm vụ trước hạn (41.03%); 23 nhiệm vụ đúng hạn (58.97%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Trương Văn Toàn	GD TT	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	88	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁶⁶ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁶⁷ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 90%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
2	Bùi Thị Thu Hà	PGĐ TT	3	0	0	0	0	0	3	1	2	0	86	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (33.33%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (66.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Đinh Thị Ngọc Tân	PGĐ TT	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	88	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
	Phòng HC-TH		19	0	0	0	0	0	19	4	15	0		B
				4 nhiệm vụ trước hạn (21.05%); 15 nhiệm vụ đúng hạn (78.95%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Viết Hòa	VC	4	0	0	0	0	0	4	3	1	0	88	B
				3 nhiệm vụ trước hạn (75%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (25%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Đinh Thị Thùy Giang	VC	3	0	0	0	0	0	3	0	3	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
6	Nguyễn Trường Thịnh	VC	3	0	0	0	0	0	3	0	3	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Đoàn Thị Trà Giang	VC	3	0	0	0	0	0	3	1	2	0	86	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (33.33%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (66.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Đỗ Văn Tiến	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
9	Nguyễn Thị Dinh	NV	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
10	Đoàn Văn Sáng	NV	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
	Phòng Nghiệp vụ lưu trữ		9	0	0	0	0	0	9	6	3	0		B
6 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)														
11	Lương Lê Thành	VC	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
12	Nguyễn Thị Hiếu	VC	4	0	0	0	0	0	4	4	0	0	90	B
				3 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
13	Nguyễn Thị Hằng	VC	4	0	0	0	0	0	4	2	2	0	86	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (50%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
XIII	Trung tâm Dịch vụ việc làm		366	11	4	7	0	0	355	14	341	0		B
				18 nhiệm vụ trước hạn (4.91%); 348 nhiệm vụ đúng hạn (95.09%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
1	Đỗ Quang Huy	GĐ TT	15	0	0	0	0	0	15	5	10	0	86	B
				5 nhiệm vụ trước hạn (33.33%); 10 nhiệm vụ đúng hạn (66.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Nguyễn Đức Hoàng	PGĐ TT	13	0	0	0	0	0	13	3	10	0	84	B
				3 nhiệm vụ trước hạn (23.08%); 10 nhiệm vụ đúng hạn (76.92%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
Phòng HC-TH			57	2	1	1	0	0	55	9	46	0		B
				10 nhiệm vụ trước hạn (17.54%); 47nhiệm vụ đúng hạn (82.46%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Nguyễn Thành Trung	PTP	12	1	1	0	0	0	11	3	8	0	86	B
				4 nhiệm vụ trước hạn (33.33%); 8 nhiệm vụ đúng hạn (66.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Lương Thị Minh Huệ	VC	10	0	0	0	0	0	10	2	8	0	84	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (20%); 8 nhiệm vụ đúng hạn (80%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
5	Nguyễn Thị Minh Phượng	VC	7	0	0	0	0	0	7	0	7	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 7 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Nguyễn Thị Thuý	VC	8	0	0	0	0	0	8	3	5	0	87	B
				3 nhiệm vụ trước hạn (37.5%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (62.5%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Vũ Thị Hằng		1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Nguyễn Thị Thanh Hương		2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
9	Trần Thị Mai		2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
	Phòng Tư vấn giới thiệu việc làm		37	0	0	0	0	0	37	0	37	0		B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 37 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
10	Dương Thanh Thảo	VC	11	0	0	0	0	0	11	0	11	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 11 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
11	Lương Thị Hồng	VC	5	0	0	0	0	0	5	0	5	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
12	Vũ Tiến Cường	VC	6	0	0	0	0	0	6	0	6	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
13	Phan Thị Diệu Thuý	VC	3	0	0	0	0	0	3	0	3	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
14	Đỗ Thị Thu	VC	7	0	0	0	0	0	7	0	7	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 7 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
15	Phạm Thị Chi	VC	5	0	0	0	0	0	5	0	5	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
Phòng Thông tin thị trường lao động và Dạy nghề			41	0	0	0	0	0	41	0	41	0		B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 41 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
16	Lê Thị Linh Chi	PTP	8	0	0	0	0	0	8	0	8	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 8 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
17	Nguyễn Thanh Nam	PTP	6	0	0	0	0	0	6	0	6	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
18	Đào Thị Bích Thủy	VC	5	0	0	0	0	0	5	0	5	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
19	Trần Thị Hồng Lê	VC	6	0	0	0	0	0	6	0	6	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
20	Đỗ Thị Ngọc Hường	VC	6	0	0	0	0	0	6	0	6	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
21	Phạm Thu Hồng	VC	5	0	0	0	0	0	5	0	5	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
22	Hoàng Văn Bít	VC	5	0	0	0	0	0	5	0	5	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
	Phòng Bảo hiểm thất nghiệp		203	0	0	0	0	0	203	0	203	0		B
0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 203 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)														
23	Nguyễn Thế Dương	PTP	9	0	0	0	0	0	9	0	9	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 9 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
24	Nguyễn Văn Đức	PTP	9	0	0	0	0	0	9	0	9	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 9 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
25	Hoàng Anh Tuấn	VC	6	0	0	0	0	0	6	0	6	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
26	Trịnh Văn Cường	VC	8	0	0	0	0	0	8	0	8	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 8 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
27	Đào Hồng Điệp	VC	4	0	0	0	0	0	4	0	4	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
28	Đặng Thị Nhài	VC	7	0	0	0	0	0	7	0	7	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 7 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
29	Doãn Thị Thu Hường	VC	4	0	0	0	0	0	4	0	4	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
30	Lương Văn Thiện	NV	10	0	0	0	0	0	10	0	10	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 10 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
31	Đặng Hoàng Hải	NV	11	0	0	0	0	0	11	0	11	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 11 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
32	Hoàng Thị Thu Hương	NV	9	0	0	0	0	0	9	0	9	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 9 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
33	Bùi Thị Lam Giang	NV	13	0	0	0	0	0	13	0	13	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 13 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
34	Vũ Xuân Hải	NV	5	0	0	0	0	0	5	0	5	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
35	Phạm Trung Kiên	NV	7	0	0	0	0	0	7	0	7	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 7 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
36	Nguyễn Bảo Tường Linh	NV	12	0	0	0	0	0	12	0	12	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 12 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
37	Trần Thị Tú Lan	NV	12	0	0	0	0	0	12	0	12	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 12 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
38	Nguyễn Thị Huyền	NV	4	0	0	0	0	0	4	0	4	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
39	Đông Thị Huệ	NV	9	0	0	0	0	0	9	0	9	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 9 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
40	Tạ Thị Phường	NV	7	0	0	0	0	0	7	0	7	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 7 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
41	Nguyễn Anh Tuấn	NV	4	0	0	0	0	0	4	0	4	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
42	Hoàng Thị Ngát	NV	6	0	0	0	0	0	6	0	6	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
43	Lý Thị Tươi	NV	11	0	0	0	0	0	11	0	11	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 11 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
44	Trần Thị Tuyết	NV	8	0	0	0	0	0	8	0	8	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 8 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
45	Nguyễn Thị Phương Thảo	NV	11	0	0	0	0	0	11	0	11	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 11 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
46	Hoàng Thị Mai	NV	5	0	0	0	0	0	5	0	5	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại	
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh						
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành			
47	Nguyễn Thị Ngọc Yên	NV	10	0	0	0	0	0	10	0	10	0	80	B	
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 10 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
48	Nguyễn Thị Thanh Huyền	NV	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B	
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%);2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
XIV	Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công		106	2	1	1	0	0	104	32	72	0		B	
				33 nhiệm vụ trước hạn (31.13%); 73 nhiệm vụ đúng hạn (68.87%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
1	Hoàng Thế Sơn	GĐ TT	6	1	0	1	0	0	5	4	1	0	90,5 ⁶⁸	B	
				4 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
2	Nguyễn Đình Huân	PGĐ TT	8	1	1	0	0	0	7	4	3	0	90,5 ⁶⁹	A	
				5 nhiệm vụ trước hạn (62.5%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (37.5%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											

⁶⁸ Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 66.67%)⁶⁹ Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 62.57%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
	Phòng HC-TH		26	0	0	0	0	0	26	12	14	0		B
		12 nhiệm vụ trước hạn (46.15%); 14 nhiệm vụ đúng hạn (53.85%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)												
3	Phạm Tiến Dũng	TP	6	0	0	0	0	0	6	4	2	0	90,5 ⁷⁰	B
				4 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Hoàng Xuân Kiểm	VC	5	0	0	0	0	0	5	0	5	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Đoàn Thị Nhài	VC	4	0	0	0	0	0	4	2	2	0	90	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (50%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Cáp Thị Nga	VC	4	0	0	0	0	0	4	2	2	0	90	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (50%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁷⁰ Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 66.67%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
7	Đoàn Thị Thu Hà	VC	4	0	0	0	0	0	4	2	2	0	90	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (50%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Nguyễn Thị Hải Yên	VC	3	0	0	0	0	0	3	2	1	0	90,5 ⁷¹	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
Phòng Nghiệp vụ			66	0	0	0	0	0	66	12	54	0		B
				12 nhiệm vụ trước hạn (18.18%); 54 nhiệm vụ đúng hạn (81.82%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
9	Bùi Thị Hương Giang	TP	12	0	0	0	0	0	12	4	8	0	86	B
				3 nhiệm vụ trước hạn (33.33%); 8 nhiệm vụ đúng hạn (66.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
10	Nguyễn Thị Minh Anh	VC	6	0	0	0	0	0	6	0	6	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁷¹ Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 66.67%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
11	Đặng Thị Thuý	VC	6	0	0	0	0	0	6	0	6	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
12	Vũ Thị Hằng	VC	6	0	0	0	0	0	6	0	6	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
13	Thái Thị Hợp	VC	6	0	0	0	0	0	6	0	6	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
14	Hà Thị Phương	VC	6	0	0	0	0	0	6	0	6	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
15	Nguyễn Thị Thuý	VC	6	0	0	0	0	0	6	0	6	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
16	Phạm Thị Loan	VC	6	0	0	0	0	0	6	0	6	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
17	Đào Thị Thu Huyền Trang	VC	6	0	0	0	0	0	6	0	6	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
18	Trần Thị Vân Anh	VC	6	0	0	0	0	0	6	4	2	0	90,5 ⁷²	A
				4 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁷² Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 66.67%)